

Bản án số: 185/2023/DS-PT

Ngày 30/8/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và yêu cầu thực hiện trả tiền

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Trâm Anh

Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện trả tiền*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 149/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Khánh H**, sinh năm 1965; (có mặt)

Địa chỉ: **Tổ A, ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Q** – sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: **Tổ F, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.** (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 21/02/2023)

Bị đơn: Ông **Võ Văn G**. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: **Tổ E, ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Mai Hồng H1**, sinh năm: 1969 là Luật sư của **văn phòng L1** thuộc **Đoàn luật sư tỉnh K.**

Địa chỉ: **Ấp R, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.** Văn phòng giao dịch: **Tổ F, khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.**

3. Người làm chứng:

- Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1975. Địa chỉ: **Ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang**.
- Ông **Nguyễn Văn Qui E**, sinh năm 1993. Địa chỉ: **Ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang**.
- Ông **Dương Văn N**, sinh năm 1959. Địa chỉ: **Ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang**.
- Bà **Huỳnh Thị Cẩm N1**, sinh năm 1977. Địa chỉ: **Tổ A, ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang**.
- Ông **Nguyễn Thanh H2**, sinh năm 1967. Địa chỉ: **Khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang**.
- Ông **Khưu Văn B**, sinh năm 1962. Địa chỉ: **Tổ A, ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang**.
- Ông **Trần Văn S**, sinh năm 1958. Địa chỉ: **Ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang**.
- Ông **Tạ Minh S1**, sinh năm 1959. Địa chỉ: **Tổ F, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang**.
- Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1962. Địa chỉ: **Ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang**.
- Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm: 1992. Địa chỉ: **Tổ B, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang**.
- Bà **Đoàn Thị L**, sinh năm: 1980. Địa chỉ: **Tổ A, ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang**.

Người kháng cáo: ông **Võ Văn G** - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Khánh H trình bày và yêu cầu như sau:

Ông **Võ Văn Giàu c** mượn tôi nhiều lần với tổng số tiền là 260.000.000 đồng. Sau đó tôi có bán cho ông **G** một phần đất có chiều ngang 45m, giá mỗi mét ngang là 25.000.000 đồng bằng số tiền là 1.125.000.000 đồng. Nhưng khi đòi tiền thì ông **G** lại hứa hẹn nhiều lần không trả, để làm tin nên tôi mới lập giấy đòi nợ ngày 26/01/2022 ghi số tiền mượn là 541.300.000 đồng và giấy mượn nợ ngày 22/12/2022 ghi số tiền mượn là 762.000.000 đồng để ông **G** ký tên lẫn tay xác nhận số nợ mà ông **G** đã mượn tiền mặt và số tiền mua đất của tôi đến nay chưa thanh toán. Thực tế số tiền ông **G** mượn và số tiền mua đất là 260.000.000 đồng + 1.125.000.000 đồng = 1.385.000.000 đồng nhưng khi lập 02 tờ biên nhận tôi và ông **G** thống nhất cùng xác nhận số nợ là 1.303.000.000 đồng. Hiện tại phần đất tôi đã bán cho ông **G** và ông **G** cũng đã bán lại cho người khác lấy tiền tiêu xài cá nhân không chịu trả nợ cho tôi nên tôi mới khởi kiện yêu cầu ông **G** phải trả cho

tôi tổng số nợ là 1.303.000.000 đồng.

Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông **Võ Văn G** phải trả cho tôi tổng số tiền là 1.303.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ông Nguyễn Văn Q người đại diện theo ủy quyền cho ông **H** trình bày: Tôi thống nhất với lời trình bày của ông **H**, không có ý kiến gì khác.

- **Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hoà giải bị đơn ông Võ Văn G trình bày:**

Tôi chỉ thừa nhận có mượn của ông **Trần Khánh H** số tiền mặt là 260.000.000 đồng. Còn việc ông **H** kiện tôi đòi số tiền 1.303.000.000 đồng là không đúng. Lý do tôi ký vào 02 biên nhận nợ nêu trên là do tôi không rành chữ nên khi ông **H** đem đến yêu cầu tôi ký thì tôi ký chứ không biết nội dung như thế nào.

Vì trước đây ông **H** có bán đất cho tôi, cụ thể giấy bán đất ghi ngày 22/12/2020 ghi tôi mua đất của ông **H** có diện tích là 60m ngang x 25.000.000 đồng = 1.500.000.000 đồng là không đúng, đây chỉ là giấy giả. Thực tế tôi chỉ mua của ông **H** có 45m ngang x 25.000.000 đồng = 1.125.000.000 đồng. Đất này ông **H** thỏa thuận bán cho tôi để tôi bán lại cho người khác lấy tiền lo cho việc của tôi, khi nào xong việc thì tôi sẽ trả cả gốc và lãi cho ông **H**. Hiện tại phần đất này tôi đã bán cho người khác, do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có tiền thanh toán cho ông **H**. Đối với số tiền mua đất không liên quan đến 02 tờ biên nhận, tôi yêu cầu tách số tiền mua bán đất ra giải quyết bằng 01 vụ kiện khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông **G** phủ nhận lời khai trong các biên bản làm việc tại Tòa án, ông cho rằng không có mua đất của ông **Trần Khánh H**. Trong khi đó ông thừa nhận có nhận số tiền bán đất cho ông **S1**, bà **L**, ông **T1** nhưng ông **G** cho rằng sau đó đã đưa lại toàn bộ số tiền này cho ông **H**, vì ông **G** chỉ làm trung gian bán đất cho ông **H**, còn người bán đất thực tế là ông **H**. Ông chỉ thừa nhận có nợ số tiền mặt của ông **H** là 260.000.000 đồng, ngoài ra không còn nợ khoản tiền nào khác. Ông **G** cho rằng việc ông ký 02 biên nhận trên là do ông nghe ông **H** nói chỉ có ghi số nợ là 260.000.000 đồng nên ông mới đồng ý ký. Ông không rành chữ nên khi ông **H** mang đến kêu ông ký thì ông không được biết nội dung trong 02 biên nhận ghi gì.

Người làm chứng trình bày:

Ông Võ Văn T trình bày: Tôi có chứng kiến việc ông **H** có lập giấy tay bán phần đất ngang 60m x 25.000.000 đồng = 1.500.000.000 đồng cho ông **G**, ông **H** ký tên là người bán, ông **G** ký tên là người mua, tôi ký tên là người chứng kiến. Sau đó tôi nghe ông **H**, ông **G** nói lại là đã hủy bỏ tờ giấy trên. Vì ông **H** chỉ bán cho ông **G** 45m ngang x 25.000.000 đồng = 1.125.000.000 đồng nên giữa 02 bên

đã lập lại tờ giấy mua bán khác. Sự việc 02 bên lập lại tờ giấy mới thì tôi không chứng kiến. Được biết tờ giấy tay mua bán đất 45m ngang x 25.000.000 đồng là do ông **H2** ở **khu phố N, thị trấn K** là người viết hộ.

Ông Trần Văn S trình bày: Khi ngồi uống cà phê chung với ông **H**, ông **G** thì tôi nghe ông **G** thừa nhận có mua của ông **H** phần đất là 45m ngang, giá mỗi mét ngang là 25.000.000 đồng và cũng biết là phần đất này ông **G** đã bán lại cho người khác. Về số tiền ông **G** nợ ông **H** là 260.000.000 đồng thì cũng được ông **G**, ông **H** thừa nhận. Còn việc các bên có thanh toán tiền cho nhau hay không thì tôi không chứng kiến.

Ông Khuu Văn B trình bày: Tôi có chứng kiến việc ông **Giàu c** bán phần đất 10m ngang cho con gái tôi tên **Đoàn Thị L**, giá bán là 15.000.000 đồng mỗi mét ngang. Ông **Giàu c** nói phần đất này ông mua của ông **H** với giá là 25.000.000 đồng mỗi mét ngang, bán lại cho con gái tôi là chịu lỗ mỗi mét ngang là 10.000.000 đồng. Khi bán thì có mặt tôi, ông **G**, con gái tôi, ông **H** và các bên cùng ký vào tờ giấy mua bán đất, trong đó ông **G** là người bán, con tôi là người mua, ông **H** là người chứng kiến, xác nhận nguồn gốc đất trước đây là của ông **H** đã bán lại cho ông **G**, tôi chỉ chứng kiến sự việc không có ký vào tờ giấy tay này.

Ông Nguyễn Thanh H2 trình bày: Do ông **Võ Văn G** và ông **Trần Khánh H** không rành chữ nên có nhờ tôi viết hộ biên nhận mua bán đất thể hiện việc ông **H** có bán cho ông **G** 45m đất ngang, giá mỗi mét ngang là 25.000.000 đồng. Sau khi viết xong thì ông **H** ký tên là người bán, ông **G** ký tên là người mua, tôi ký tên là người chứng kiến sự việc.

Bà Huỳnh Thị Cẩm N1 trình bày: Tôi có chứng kiến việc ông **H2** có viết hộ giấy tay mua bán đất với chiều ngang 45m, giá là 25.000.000 đồng mỗi mét ngang. Khi viết xong thì đưa cho các bên xem và ông **H** ký tên là người bán, ông **G** ký tên là người mua, tôi và ông **H2** ký tên là người chứng kiến. Tôi có biết việc ông **Giàu c** mượn của ông **H** số tiền mặt là 260.000.000 đồng. Nên ông **H** có lập 02 tờ biên nhận cộng cả số tiền bán đất và số tiền cho ông **G** mượn là 1.303.000.000 đồng. Vì vậy ông **G** mới ký tên và lấn tay vào 02 tờ biên nhận thừa nhận có nợ ông **H** số tiền trên, tôi có ký tên vào 02 tờ biên nhận là người chứng kiến sự việc.

Ông Dương Văn N trình bày: Khi uống cà phê cùng với ông **H**, ông **G** thì tôi nghe các bên nói lại là ông **H** có bán cho ông **G** phần đất là 45m ngang, giá mỗi mét ngang là 25.000.000 đồng, còn việc có lập giấy mua bán hay không thì tôi không biết. Về số tiền ông **G** nợ ông **H** là 260.000.000 đồng thì cũng được nghe ông **G**, ông **H** thừa nhận. Sau đó ông **H** có lập 02 tờ biên nhận thể hiện việc ông **G** còn nợ ông **H** tổng số tiền là 1.303.300.000 đồng, ông **Giàu c** ký và lấn tay vào 02 tờ biên nhận.

Ông Nguyễn Văn Qui E trình bày: Tôi có chứng kiến việc ông H có lập giấy tay bán phần đất ngang 45m x 25.000.000 đồng. Ông H2 là người viết hộ giấy tay, sau khi viết xong thì ông H ký là người bán, ông G ký là người mua, tôi, ông H2, bà N1 ký là người chứng kiến. Ngoài ra tôi còn biết ông Giàu c mượn của ông H số tiền mặt là 260.000.000 đồng. Nên sau đó ông H có lập 02 tờ biên nhận thể hiện việc ông Giàu c mượn số tiền 1.303.000.000 đồng, trong đó bao gồm cả số tiền bán đất và số tiền cho ông G mượn. Khi đem 02 biên nhận đến thì tôi có đọc lại cho ông G nghe rõ. Sau đó thì ông G mới ký tên và lăn tay thừa nhận có nợ ông H số tiền trên và tôi ký tên là người chứng kiến vào cả 02 biên nhận.

Ông Nguyễn Văn P trình bày: Tôi biết ông H có cho ông G mượn một số tiền nhưng mượn bao nhiêu thì không được rõ. Tại quán cà phê thì tôi có chứng kiến việc lập giấy tay mua bán phần đất có chiều ngang 45m, giá mỗi mét ngang là 25.000.000 đồng, ông H2 là người viết hộ giấy tay mua bán. Sau khi viết xong thì ông H ký là người bán, ông G ký là người mua. Do ông G không trả tiền nên các bên có gặp nhau, tại đây ông H có làm 02 biên nhận thể hiện việc ông Giàu c nợ ông H tổng số tiền là 1.303.000.000 đồng. Sau đó thì ông G mới ký tên và lăn tay thừa nhận có nợ ông H số tiền trên.

Ông Tạ Minh S1 trình bày: Tôi có mua phần đất của ông G với diện tích là 25m ngang, phần đất này tôi biết nguồn gốc là của ông H bán lại cho ông G. Khi mua đất thì có ông H xác nhận là chủ đất cũ đã bán lại cho ông G. Nên tôi mua và trả tiền trực tiếp cho ông G.

Ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Tôi có mua phần đất của ông G với diện tích là 10m ngang, giá là 150.000.000 đồng. Khi ký giấy tay mua bán thì ông G ký tên là người bán, tôi ký tên là người mua, ông H ký tên là người chứng kiến xác nhận phần đất này là của ông H bán lại cho ông G, nay ông G bán lại cho tôi. Nên tôi mua và trả tiền trực tiếp cho ông G.

Bà Đoàn Thị L trình bày: Tôi có mua phần đất của ông G với diện tích là 10m ngang, giá là 150.000.000 đồng. Khi ký giấy tay mua bán thì ông G ký tên là người bán, tôi ký tên là người mua, ông H ký tên là người chứng kiến xác nhận nguồn gốc đất này là của ông H bán lại cho ông G, nay ông G bán lại cho tôi. Nên tôi mua và trả tiền trực tiếp cho ông G.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

Buộc ông Võ Văn G phải trả cho ông Trần Khánh H số tiền 1.303.000.000 đồng, trong đó số tiền vay là 260.000.000 đồng, số tiền mua bán đất là 1.043.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Theo đơn kháng cáo ngày 12/6/2023 của bị đơn ông **Võ Văn G** yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương. Ông cho rằng Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa chính xác, khách quan, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có ý kiến đồng ý với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền là hủy bản án sơ thẩm phần tiền nợ hợp đồng chuyển nhượng đất, vì còn liên quan đến vợ ông **G**, nhưng cấp sơ thẩm bỏ sót và hiện tại phần đất này vẫn giao sai vị trí.

Bị đơn: Có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Luật sư **H1** tranh luận cho rằng về tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm ban đầu xác định quan hệ tranh chấp là vay mượn tài sản nhưng khi quyết định đưa vụ án ra xét xử lại xác định hai quan hệ tranh chấp vẫn đến áp dụng sai pháp luật. Về nội dung phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên vẫn còn đang tranh chấp và ông **G** chưa trả tiền, hiện tại việc giao đất vẫn sai vị trí đất, số tiền chuyển nhượng đất không phù hợp giấy mượn nợ do nguyên đơn cung cấp, tại Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu Tòa án tách thành hai vụ kiện nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phía nguyên đơn đồng ý hủy phần nợ tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tôi vẫn đồng ý.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông **G**, hủy một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn; Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phía bị đơn ông **G** kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông **G**, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của ông **G** ngày 10/3/2023 và biên bản hòa giải ngày 16/3/2023 thể hiện việc ông **G** thừa nhận có ký và lấn tay vào hai tờ giấy mượn nợ do ông **H** cung cấp, nhưng ông cho rằng ông không biết nội dung và chỉ thừa nhận có mượn tiền ông **H** 260.000.000 đồng và nợ số tiền mua đất của ông **H** 1.125.000.000 đồng do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có tiền thanh toán cho ông **H** (bút lục 27, 29). Sau này ông **G** trình bày chỉ mượn ông **H** 260.000.000 đồng, còn việc mua bán đất không có, yêu cầu tách việc mua bán đất ra giải quyết thành vụ kiện khác, khai nại của ông **G** không đưa ra được chứng cứ mới chứng minh. Trong khi lời khai của các nhân chứng đều biết việc ông **G** nợ tiền ông **H** và ông **Giàu c** mua đất của ông **H**, sau đó ông **G** chuyển nhượng đất lại cho họ, đồng thời có chứng kiến việc ông **G** ký nhận giấy mượn tiền của ông **H** (bút lục 30-38). Như vậy có cơ sở chứng cứ khách quan để xác định việc ông **G** nợ tiền của ông **H** là sự thật bao gồm tiền vay mượn và tiền nợ chuyển nhượng đất. Từ việc nợ tiền mượn và tiền chuyển nhượng đất không có chứng cứ văn bản hợp pháp, để làm tin ông **H** đã thỏa thuận với ông **G** và hai bên đã xác lập ký hai giấy tay: giấy đòi nợ ngày 26/01/2022 ghi số tiền mượn là 541.300.000 đồng và giấy mượn nợ ngày 22/12/2022 ghi số tiền mượn là 762.000.000 đồng, tổng cộng là 1.303.000.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền xác nhận này thấp hơn số tiền ông **G** nợ tiền mượn và tiền chuyển nhượng đất của ông **H** hai khoản tổng cộng là 1.385.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định của bản sơ thẩm lại tuyên buộc ông **G** trả nợ tiền mượn 260.000.000 đồng và nợ tiền mua bán đất 1.043.000.000 đồng là chưa đúng với yêu cầu khởi kiện của ông **H**. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các bên đương sự đều thống nhất số tiền ông **G** nợ tiền mượn ông **H** 260.000.000 đồng và đồng ý hủy một phần bản án sơ thẩm do phần nợ tiền chuyển nhượng đất chưa rõ ràng khi chuyển sang thành giấy nhận nợ, ngoài ra việc chuyển nhượng đất có liên quan đến vợ ông **G** nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ ông **G** vào tham gia tố tụng và việc giao vị trí đất chưa rõ ràng, việc ông **G** chuyển nhượng đất sang người khác có sự sai lệch vị trí, do đó, cần chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông **G**.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông **G** và quan điểm tranh luận của Luật sư **H1**, chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về việc hủy một phần bản án sơ thẩm về giải quyết số tiền nợ liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm, phía ông **G** không phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng, do nội dung kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn ông **Võ Văn G**.

Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang về số tiền nợ liên quan hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được giao dịch giữa ông **Trần Khánh H** với ông **Võ Văn G**. Giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Áp dụng Điều 280, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Khánh H**.

2. Buộc ông **Võ Văn G** có nghĩa vụ phải trả cho ông **Trần Khánh H** số tiền nợ vay mượn 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông **G** phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng).

Số tiền tạm ứng án phí ông **H** đã nộp là 32.575.000 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006888 ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang được xem xét, giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm đối với phần bản án sơ thẩm bị hủy.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông **G** không phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí ông **G** đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007016 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Kiên Lương;
- CCTHADS huyện Kiên Lương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Sơn

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện An Minh;
- CCTHA dân sự huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Sơn

